

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

-Thư ký phiên tòa: Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **MAI THỊ ÚT** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 793/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **ĐẶNG VĂN G**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Chị **NGUYỄN THỊ MỸ L**, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp O, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 12/10/2018 và lời khai tại Tòa nguyên đơn anh Đặng Văn G trình bày:

Do quen biết nên anh và chị L tiến đến kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phớt lờ sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường cãi vã làm mất tình cảm. Anh chị đã chính thức ly hôn luôn từ khi phá sản sinh mâu thuẫn đến nay. Nay anh cương quyết yêu cầu được ly hôn chị L.

Con chung có một cháu tên Đặng Nguyễn Thành A, sinh ngày 19/5/2013, hiện đang sống với chị L. Nay anh đồng ý giao cháu A cho chị Linh nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng cho tới khi cháu A trưởng thành tròn 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: Không còn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự liên quan việc anh G khởi kiện như trên nhưng chị L vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn chị L vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; tiếp tục giao con chung cho bị đơn nuôi, ghi nhận việc nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không cần đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa anh G trình bày do quen biết nên anh và chị L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh An Giang. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến năm 2016 thì sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường tranh cãi gây mất tình cảm làm cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay anh cương quyết yêu cầu được ly hôn chị L. Xét thấy, cho anh G được ly hôn chị L là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con nhỏ. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị L để đảm bảo quyền nêu ý kiến của chị, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng chị L vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện chị không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có một cháu tên Đặng Nguyễn Thành A, sinh ngày 19/5/2013, hiện đang sống với chị L. Xét thấy, tiếp tục giao cháu A cho chị L nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ cháu đã sống ổn định với chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi của con chung tránh xáo trộn về mặt tâm sinh

lý, đời sống học tập, sinh hoạt của cháu. Thêm vào đó, anh G cũng thống nhất giao cháu A cho chị L tiếp tục nuôi. Cho nên, tiếp tục giao cháu A cho chị L nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A với số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Tại Tòa, anh G xác định đều không có. Đồng thời, chị L cũng không có văn bản ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến vấn đề này sau khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nên Tòa án không đặt ra giải quyết là có căn cứ.

[6] *Về án phí* Anh G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến phác thảo của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đặng Văn G. Cho anh Đặng Văn G được ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đặng Nguyễn Thành A, sinh ngày 19/5/2013 cho chị L nuôi.

Ghi nhận việc anh G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A với số tiền 1.000.000đ/tháng. Thời gian thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đặng Văn G chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí Anh Đặng Văn G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Anh đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên

lai số 09527 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

